

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07-9-2023

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Ngọc Hưng và ông Bùi Đức Nhân

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Cảnh, là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa:
bà Nguyễn Thị Thùy, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 599/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021; về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2023.

1. Nguyên đơn: chị Lê Thị T, sinh năm 1982; nơi thường trú: thôn T, xã S, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: bà Nguyễn Thu H, Luật sư Công ty Luật S; địa chỉ: khu 4A, đường P, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Nghĩa T, sinh năm 1971; nơi cư trú: thôn T, xã S, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Công ty cổ phần Đ; địa chỉ: số nhà 472, tổ 3, khu T 2, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Đình P, chức vụ: Giám đốc

3.2 Công ty cổ phần X; địa chỉ: số nhà 26, phố M, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương; người đại diện hợp pháp: ông Bùi Danh B, chức vụ: Giám đốc

3.3 Công ty cổ phần X; địa chỉ: tổ 4, khu 4C, phường H, thành phố Hong, tỉnh Quảng Ninh; người đại diện hợp pháp: ông Phùng Quang Lập, chức vụ: Giám đốc

3.4 Công ty cổ phần đầu tư xây dựng H; địa chỉ: tổ 1, khu T, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; người đại diện hợp pháp: ông Tô Văn H, chức vụ: Giám đốc

3.5 Công ty cổ phần 122 V; địa chỉ: số 11/670 đường H, thị trấn Y, huyện G, thành phố Hà Nội; người đại diện hợp pháp: ông Phạm Văn H, chức vụ: Giám đốc

3.6 Công ty TNHH MTV Xây dựng CEO V; địa chỉ: khu tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng S, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Quang K, chức vụ: Giám đốc

3.7 Công ty cổ phần Xây dựng thương mại D; địa chỉ: thôn 1, xã T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; người đại diện hợp pháp: bà Lê Thị T, chức vụ: Giám đốc

3.8 Công ty cổ phần Sản xuất xây dựng công nghệ T; địa chỉ: khu công nghiệp V, phường V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; người đại diện hợp pháp: ông Vũ Văn N, chức vụ: Giám đốc

Điều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 04/11/2021 và ý kiến của chị Lê Thị T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị T và anh Nguyễn Nghĩa T kết hôn với nhau năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống, chị T và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên chửi, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị T; chị T bị anh T đánh nhiều lần. Do không thể hàn gắn được mối quan hệ và mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng, nên tháng 8 năm 2021 chị T đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở tại địa chỉ: thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh sinh sống; chị T và anh T đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay, chị T và anh T không còn tình cảm với nhau, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn với anh T.

Về con chung: chị T và anh T có 03 con chung là Nguyễn Lê Diệu L, sinh ngày 08/10/2010; Nguyễn Lê Ngọc C, sinh ngày 27/9/2012; Nguyễn Lê Song N, sinh ngày 04/02/2015. Chị T đồng ý việc anh T nuôi 03 con chung và chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung với anh T, cụ thể: chị T cấp dưỡng **nuôi** mỗi con chung Nguyễn Lê Diệu L và Nguyễn Lê Ngọc C 3.000.000 đồng/tháng; cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Lê Song N 4.000.000 đồng/tháng; thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: ngày 24/6/2022, chị T có Đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân; ngày 30/6/2022, chị T tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng, không đề nghị Tòa

án giải quyết về chia tài sản chung (Tòa án chưa thụ lý đối với yêu cầu này của chị Thu).

* Bị đơn anh Nguyễn Nghĩa T trình bày: về quan hệ hôn nhân và con chung như trình bày của chị T là đúng. Anh T đồng ý ly hôn, đề nghị được nuôi 03 con chung và đồng ý quan điểm của nguyên đơn về việc cấp dưỡng nuôi các con chung như chị T đã nêu trên.

Về tài sản chung: ngày 23/6/2022, anh T có đơn phản tố; ngày 28/7/2022 anh T sửa đổi đơn phản tố; ngày 17/8/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã thụ lý yêu cầu phản tố của anh T. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, cụ thể như sau:

Số cổ phần của chị Lê Thị T tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại D: 20.000 cổ phần, chiếm 38,46% vốn điều lệ, tương đương 2.000.000.000 đồng (tại thời điểm thành lập Công ty);

Số công nợ của Công ty cổ phần T còn nợ Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại N là 305.441.750 đồng;

Các công ty cổ phần đầu tư và xây dựng giao thông Q; Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại P; Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Q; Công ty cổ phần đầu tư xây dựng H; Công ty cổ phần 122 V; Công ty TNHH MTV Xây dựng CEO V còn nợ Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại N (tạm tính) là: 4.373.434.380 đồng;

Tổng giá trị tài sản chung đề nghị Tòa án chia là 6.678.876.130 đồng.

Anh Tuấn đề nghị Tòa án chia cho anh T 70%, chị T 30% trên tổng giá trị tài sản chung nêu trên.

Ngày 21/8/2023, anh T có đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố, không tiếp tục đề nghị Tòa án giải quyết và tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 06/9/2023, anh T giữ nguyên quan điểm rút toàn bộ yêu cầu phản tố nêu trên.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng giao thông Q; Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại P; Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Q; Công ty cổ phần đầu tư xây dựng H; Công ty cổ phần 122 V; Công ty TNHH MTV Xây dựng CEO V; Công ty cổ phần Xây dựng thương mại D; Công ty cổ phần Sản xuất xây dựng công nghệ T đều có ý kiến với yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Nghĩa T: toàn bộ công nợ phát sinh giữa các Công ty với Công ty cổ phần xây dựng và thương mại N là quan hệ giữa công ty với công ty, không liên quan gì đến việc chị T và anh T ly hôn và chia tài sản chung vợ chồng của anh T và chị T tại Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý vụ án, giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; đối với việc thụ lý yêu cầu phản tố số 599/TB-TLVA ngày 17/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long là không đảm bảo quy định của pháp luật.

Các đương sự, người tham gia tố tụng khác: đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự, người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70 và Điều 71, Điều 72, 73, 76 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tình cảm: căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình cần công nhận thuận tình ly hôn của chị Lê Thị T và anh Nguyễn Nghĩa T.

Về con chung: cần công nhận sự thỏa thuận về con chung giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Nghĩa T: giao cho anh Nguyễn Nghĩa T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Nguyễn Lê Diệu L, sinh ngày 08/10/2010; Nguyễn Lê Ngọc C, sinh ngày 27/9/2012; Nguyễn Lê Song N, sinh ngày 04/02/2015; về cấp dưỡng nuôi con chung: **Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc cấp dưỡng** nuôi mỗi con chung Nguyễn Lê Diệu L và Nguyễn Lê Ngọc C số tiền là 3.000.000 đồng/tháng; cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Lê Song N số tiền 4.000.000 đồng/tháng; thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: chị T và anh T đều không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập.

Đối với việc Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã thụ lý đối với yêu cầu phản tố của bị đơn anh Nguyễn Nghĩa T: một phần yêu cầu này thuộc phạm vi tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã không xem xét mà thụ lý yêu cầu này của bị đơn để giải quyết trong vụ án này là không đảm bảo quy định dẫn đến kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

Tuy nhiên, đến nay anh T đã rút yêu cầu phản tố nên cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này, nên cần căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố.

* Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án:

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: trích lục kết hôn (01 bản), căn cước công dân (bản sao), giấy khai sinh (bản sao), sổ hộ khẩu (bản sao), xác nhận nơi cư trú (bản sao), quyết định đình chỉ giải quyết vụ án (bản sao), bản cam đoan (bản chính);

- Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp gồm: sổ theo dõi xe, phiếu giao hàng, chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản photo), bảng tổng hợp giá trị khối lượng vận chuyển (đều là bản photo).

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập gồm: Biên bản xác minh tại địa phương, hồ sơ pháp lý của Công ty cổ phần Xây dựng thương mại Dương Quảng;

* Nội dung đương sự đã thỏa thuận thống nhất được trong quá trình giải quyết vụ án: về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung.

* Nội dung các đương sự không thống nhất được (trước khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử): đối với yêu cầu phản tố của bị đơn anh Nguyễn Nghĩa T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các nội dung trình bày, yêu cầu của đương sự; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, bị đơn anh Nguyễn Nghĩa T có nơi cư trú tại thành phố H. Nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nhưng họ đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Lê Thị T, bị đơn anh Nguyễn Nghĩa T và các tài liệu chứng cứ do chị T, anh T cung cấp, Tòa án thu thập nêu trên có đủ căn cứ xác định:

Chị T và anh T kết hôn với nhau năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án: chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh T không đồng ý vì cho rằng vợ chồng anh không xảy ra mâu thuẫn như chị T trình

bày. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 21/02/2023, chị T và anh T đã thống nhất thuận tình ly hôn.

Biên bản xác minh ngày 09/8/2023, tại thôn Trại Me, xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long thể hiện nội dung: chị T và anh T sinh sống tại thôn Trại Me, xã Sơn Dương từ năm 2011 đến năm 2021 thì chị T chuyển về Bắc Ninh sinh sống. Quá trình anh chị chung sống tại địa phương, chị T và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân là do chị T và anh T bất đồng với nhau về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau, thôn cũng đã hòa giải nhưng không thành. Sau khi chị T về Bắc Ninh sinh sống thì 03 con chung của anh chị đều ở cùng với anh T tại thôn Trại Me, xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long.

Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 06/9/2023, anh T đồng ý ly hôn với chị T.

Do đó, căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Nghĩa T.

Về con chung: tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2022, các con chung của anh T và chị T là Nguyễn Lê Diệu L, Nguyễn Lê Ngọc C và Nguyễn Lê Song N đều có nguyện vọng được ở với anh T. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T đồng ý để anh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung; quá trình giải quyết vụ án và tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh T cũng đồng ý là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục các con chung; về cấp dưỡng nuôi con chung: chị T và anh T đều thống nhất mức cấp dưỡng nuôi các con chung cụ thể: chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Lê Diệu L, Nguyễn Lê Ngọc C mỗi con 3.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Lê Song N 4.000.000 đồng/tháng; thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Do đó, cần công nhận sự thỏa thuận về con chung như nêu trên giữa chị T và anh T.

Về tài sản chung: chị T và anh T đã tự thỏa thuận với nhau, không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[2.2] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn:

Liên quan đến một phần yêu cầu của bị đơn anh Nguyễn Nghĩa T (Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án trước đây đã thụ lý yêu cầu phản tố số 559/TB-TLVA ngày 17/8/2022) và đưa Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng giao thông Q; Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại P; Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Q; Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng H; Công ty cổ phần 122 V; Công ty TNHH MTV Xây dựng CEO V; Công ty cổ phần Xây dựng thương mại D; Công ty cổ phần Sản xuất xây dựng công nghệ T tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại N, được thành lập ngày 09/10/2018; người đại diện theo pháp luật là anh Nguyễn Nghĩa T, chức vụ: Chủ

tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc (bút lục số 277); cổ đông của Công ty gồm: anh Nguyễn Nghĩa T, chị Lê Thị T và anh Lê Sỹ N.

Công ty cổ phần T còn nợ Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại N là 305.441.750 đồng; các Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng giao thông Q; Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại P; Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Q; Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng H; Công ty cổ phần 122 V; Công ty TNHH MTV Xây dựng CEO V còn nợ Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng thương mại N (tạm tính) 4.373.434.380 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: đây là tranh chấp kinh doanh thương mại phát sinh giữa các công ty với nhau được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự, một phần yêu cầu phản tố của bị đơn không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa chị T và anh T. Anh T (với tư cách cá nhân) không có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các công nợ giữa mà các Công ty trên còn nợ Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại N trong cùng vụ án này. Đối với yêu cầu này, Tòa án đã thụ lý để giải quyết trong vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là không đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và Tòa án xác định yêu cầu này của anh T là “Yêu cầu phản tố” cũng không đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, ngày 21/8/2023 (sau khi Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử), anh Nguyễn Nghĩa T đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố (theo Thông báo thụ lý yêu cầu phản tố số 559/TB-TLVA ngày 17/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long). Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T giữ nguyên ý kiến về việc rút toàn bộ yêu cầu phản tố nêu trên. Việc anh T rút đơn phản tố là tự nguyện. Nên căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn anh Nguyễn Nghĩa T.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 18, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn và án phí về cấp dưỡng theo quy định; anh Nguyễn Nghĩa T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Do anh T rút yêu cầu phản tố nên trả lại cho anh Nguyễn Nghĩa T 58.243.434 đồng tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000973 ngày 17/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 200, khoản 1 Điều 227, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 3 Điều 18, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Lê Thị T và anh Nguyễn Nghĩa T.

Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị T và anh Nguyễn Nghĩa T thuận tình ly hôn.

Về con chung: anh Nguyễn Nghĩa T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Nguyễn Lê Diệu L, sinh ngày 08/10/2010; Nguyễn Lê Ngọc C, sinh ngày 27/9/2012; Nguyễn Lê Song N, sinh ngày 04/02/2015 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi các con chung: chị Lê Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung Nguyễn Lê Diệu L, Nguyễn Lê Ngọc C 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng; chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Lê Song N 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng; thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Nghĩa T.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: chị Lê Thị T chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí cấp dưỡng. Tổng số tiền án phí chị T phải nộp là 225.000 (hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Thu đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000177 ngày 12/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Chị Thu được trả lại số tiền còn dư là 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Anh Nguyễn Nghĩa T chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí ly hôn; trả lại cho anh Nguyễn Nghĩa T 58.243.434 (năm mươi tám triệu, hai trăm bốn mươi ba nghìn, bốn trăm ba mươi tư) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000973 ngày 17/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long. Nên, anh Nguyễn Nghĩa T còn được trả lại số tiền còn dư là 58.168.434 (năm mươi tám triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm ba mươi tư đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tp Hạ Long;
- Chi cục THA Dân sự tp Hạ Long;
- UBND x Ngũ Thái, h Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ QVLIHP;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Ngọc An

